

No
Pièce
Indoch
64

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
No 28101

DEPOT
LEGAL
INDOCHINE



Chiêu hồn

NGUYỄN DU

No Indoch
Pièce 64



CHIÉU

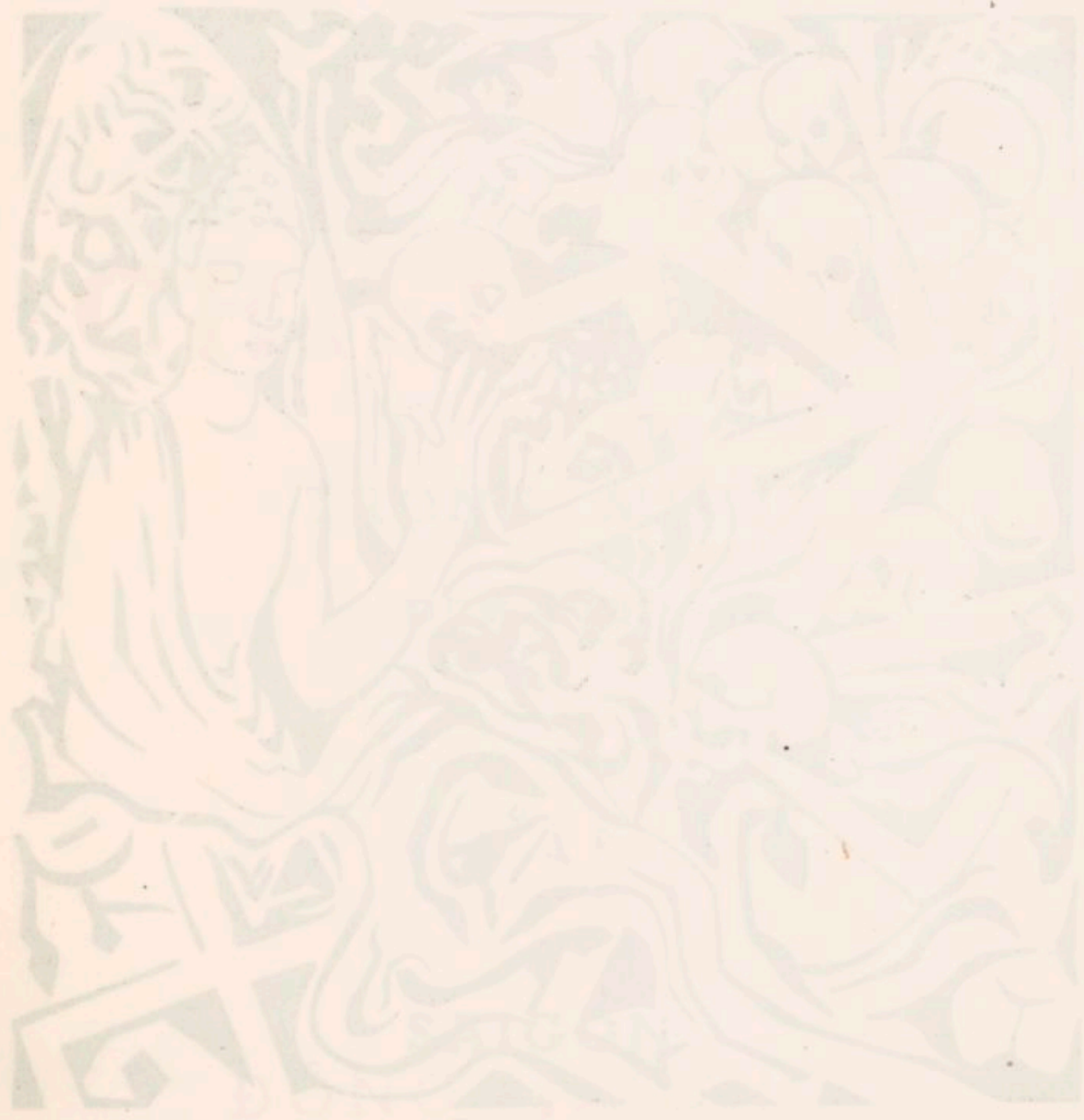


CHIÊU HỒN



CHIỀU HỒN CỦA NGUYỄN DU THUỘC VỀ LOẠI SÁCH
VIỆT NAM CỔ ĐIỀN CỦA NHÀ XUẤT BẢN ĐÔNG PHƯƠNG
DO HỌA SĨ PHẠM TÚ TRÌNH BÀY VÀ ẤN SƯ J. ASPAR
TRÔNG NOM, NGOÀI NHỮNG BẢN GIẤY REGISTRE VỀ
LOẠI THƯỜNG CÓ IN THÊM MỘT TRĂM BẢN TRÊN GIẤY
VÉLIN BOUTON D'OR VỀ LOẠI SÁCH ĐẸP ĐÁNH SỐ TỪ 1
ĐẾN 100 VÀ NĂM BẢN TRÊN GIẤY IMPÉRIAL D'ANNAM
ĐÁNH DẤU ABCDE KHÔNG BÁN; MỖI BẢN ĐỀU CÓ TRANH
PHỤ BẢN NHIỀU MÀU CỦA PHẠM TÚ THEO LỐI CỔ VIỆT
NAM CHÍNH TỰ TAY HỌA SĨ IN LẤY; MỘT TRĂM NĂM BẢN
NÀY ĐƯỢC COI LÀ ẤN BẢN CHÍNH CỦA ĐÔNG PHƯƠNG

NGUYỄN DU



PHẦN 10

MCMXLII

NGUYỄN DU



PHẠM TỬ minh họa

NGUYỄN DU

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 28505

CHIÊU HỒN

TRỌNG MIÊN

phê bình



SAIGON
ĐÔNG PHƯƠNG
MCMXLII

NGUYỄN DU

CHIẾU HỒN

TRONG MIỀN

phê bình

SAIGON

ĐÔNG PHƯƠNG

MCMXLII

NGUYỄN DU

NGUYỄN DU

DANH hiệu Nguyễn Du, sự mê luyện lưu truyền của thơ người còn rung động linh hồn chúng ta, những bạn trẻ mãi mê uống ở nguồn suối tinh thần phương tây, mà khi trở về, chúng ta thấy trời phương đông không kém xanh.

Tư tưởng trí thức của chúng ta ngày nay không còn cốt cách như những người xưa mà cảm hứng làm nên thi phú trong lúc đọc thơ Nguyễn Du, nhưng sau hơn một thế kỷ với những tâm hồn mới mẻ và những khát khao cố hữu về thơ, chúng ta đến gần nhà thi sĩ của thời đại cổ điển với sự rung cảm thẩm mỹ hiện đại. Cùng một lúc thưởng thức cái nghệ thuật điêu luyện, tài tình của thi sĩ, chúng ta muốn tìm hiểu cái linh hồn thật của Nguyễn Du.

Trong *Kim Vân Kiều* và *Chiêu Hồn*, thi sĩ đã diễn tả sâu xa và liên tiếp một luận đề siêu hình : Phật giáo, nền triết học uyên thâm của đông phương. Nguyễn Du đã chứng cho ta thấy rõ ở người một thi sĩ triết gia, và là nhà thơ xứng đáng tiêu biểu cho nước Việt Nam cổ điển hơn hết, vì chính ở trong thơ triết lý của một dân tộc mà người ta thấy rõ linh hồn của dân tộc ấy.

Học thuyết hình nhi thượng của Phật giáo đã làm nền tảng cho hai tác phẩm của Nguyễn Du, ngày nay chắc có kẻ sẽ

căn cứ vào khoa học mà công kích chỗ duy tâm của thi sĩ. Nhưng kẻ ấy lầm vì họ nghĩ rằng ở trong con người muôn thuở bao giờ cũng có một phần vượt lên trên lẽ luật của khoa học duy vật. Tự muôn đời thi văn, nghệ thuật, học thuyết cao siêu đều căn cứ vào hình nhi thượng, vì cái phần muốn vươn lên trên cao là một sức mạnh căn bản của linh hồn loài người.

Tác phẩm của Nguyễn Du, mà không người annam nào chẳng biết đến là *Kim Vân Kiều*.

Một vị đồng thời thi sĩ, Mộng liên Đường, đề trong bài tựa cuốn thơ này : « Túy Kiều chi khẩn Đạm Tiên, Tố Như tử chi truyện Túy Kiều, tích tuy thù, nhi tâm tắc nhất. Hậu chi liên kim nhân do kim ngân chi liên cổ nhân : tài tinh nhi tự thanh phồ thiên hạ cổ kim tài tử chi thông lụy dã ». (Túy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như khóc Túy Kiều, tích dù có khác, sự lòng ắt cũng như nhau. Người đời sau thương xót người đời xưa : hai chữ tài tinh là cái thông lụy khắp thiên hạ từ xưa đến nay).

Cũng trong bài tựa truyện Kiều, ngày nay thi sĩ Tấn Đà viết : « Nguyễn Du tiên sinh là một người trong đám cố gia đời nhà Lê, mà ra làm quan đời nhà Nguyễn. Vì một mối cảm tưởng ở chỗ cương thường đó, cho nên tác giả mới mượn quyền *Phong tình lục* của Trung Quốc mà làm ra quyền truyện này trong quốc văn. Cảm thương cho một người khuê các có tài sắc, nhân gia biến mà phải ba chìm bảy nổi, không được hưởng cái hạnh phúc thanh quý ở gia đình ; đề ngụ

« thương cho tự mình là con nhà thế phiệt thi thư, nhân quốc
« biến mà phải chim nôi theo thi, không giữ được tấm lòng
« trung trinh đối với cố chủ vậy. Cũng vì văn chương bởi tâm
« sự như thế, cho nên như có một cái sức thiêng liêng khiến
« cho người ta dễ cảm động; ấy quyền Kiều mà hay, chỗ gốc
« thực ở đó, mà văn tài của tác giả lại là phần thứ hai.

« *Phong tình lục, Thanh tâm tài nhân*, nguyên ở Tàu là
« một cuốn tiểu thuyết không lấy gì làm giá trị; chỉ cảm vì
« thân thế của Thúy Kiều có chỗ đáng thương tiếc, cho nên
« mới gọi lòng tài tử, mượn giai nhân mà giải mối sầu chung.
« Từ đấy mà tác giả Nguyễn Du hợp với người trong truyện
« là Kiều mà cùng nhau thiên cổ vậy ».

Những lời phẩm bình khác về *Kim Vân Kiều* hầu hết
cũng đều cho rằng Nguyễn Du đem cái thuyết tài mệnh tương
đố (tài và mệnh ghét nhau) mà làm luận đề cho cuốn thơ.
Nhưng đi sâu vào tinh thần tác phẩm, ta sẽ thấy cái thuyết kể
trên chỉ là hình thức, và tâm lý của thi sĩ thiên về tôn giáo :
truyện Kiều là phản ảnh lòng tin ngưỡng của một thời đại
sùng bái đạo phật, linh hồn cổ điển đất nước Việt Nam. Và
« cái sức thiêng liêng khiến cho người ta dễ cảm động » ấy, là
không khí thần bí đã bao tỏa suốt tập thơ, dù người đọc chỉ
thấu nhận một cách vô ý thức.

Sau những lời thơ diễm lệ của Nguyễn Du, nếu đề ý ta sẽ
nghề rõ điệu thâm trầm, trù tượng của một linh hồn cao siêu
thăm đượm màu sắc huyền bí á đông.

Truyện Kiều, mở đầu, ta đã thấy ngay sự ám ảnh ở Nguyễn Du : cái chết. Thi sĩ đưa ta vào nghĩa địa trong một mùa xuân, xui ta nghĩ đến sự hư vô của kiếp con người bằng những lời thơ gợi đến Đạm Tiên, nắm đất rầu rầu ngọn cỏ bên đường, và từ đây hình ảnh của người thế giới bên kia ẩn hiện trong thơ. Sự liên tưởng khiến ta không khỏi nghĩ đến những tin đồn nhiệt thành của đạo phật thường ban đêm đi trầm ngâm về « sắc sắc, không không » trong các bài tha ma. Nói đến người chết, Nguyễn Du không quên nhắc tới cảnh « hương khói vắng tanh » của « mồ vô chủ », của cô hồn, mà thi sĩ sẽ thiết tha thương họ trong *Chiều Hồn*.

Bên những mồ mã ngồn ngang, thi sĩ bắt đầu một cuộc tình duyên để bày ra một kiếp đoạn trường. Vì đạo phật cho rằng sự khát khao tình ái đứng đầu trong ba sự mê lớn nhất của chúng sinh, tình là nguyên gốc của sự khổ. Khi Kiều gặp Kim Trọng lần đầu tiên mà lòng đã bàng khuâng là nàng khởi sự dính liú với « dây oan » ; và Đạm Tiên hiện ra báo cho nàng biết trước cái « quả kiếp nhân duyên ».

Tác giả muốn đề cập tới thuyết nhân quả luân hồi của tiền thừa phật giáo, mà mỗi số mệnh đều có nguyên nhân và kết quả qua những kiếp luân hồi, do tự những đời trước và những đời sau. Cốt tủy truyện Kiều là ở đây. Thuyết nhân quả trong sách nho cũng nhiều (Kinh Dịch, Kinh Thi) và cả trong Lão giáo, nhưng không rõ ràng bằng trong Phật giáo. Nguyễn Du là người tinh thâm nho học, thông đạt đạo Lão, đạo Phật và lòng tin ngưỡng của thi sĩ đã khơi nguồn ở trong đây.

Những lời tiên tri của Đạm Tiên về số kiếp nàng Kiều, những lời chê bai của các thầy tướng pháp thuở nàng còn thơ ngây, chứng tỏ rằng thi sĩ tin ở định nghiệp, và định nghiệp tức là nhân quả. Phật có câu : không ai thắng được định nghiệp, Nguyễn Du lặp lại : rủi may âu cũng tại trời. Lòng ngưỡng mộ của thi sĩ phát lộ đầy dẫy trong thơ. Khi Kiều nói với tình nhân :

*Bây giờ rõ mặt đời ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao.*

Thi sĩ muốn gợi đến sự hư ảo của cõi phù sinh mà kiếp người chỉ là một hiện tượng biến đổi không thường, theo thuyết vô ngã trong tam pháp ấn, chán lý của tiểu thừa.

Cái vòng nhân quả luân hồi đầy đura con người đến cuộc đời dày đọa nàng Kiều vào kiếp giàng hồ, nếu muốn gỡ thoát ra thì phải đoạn tuyệt, phải chết đi. Nhưng cái chết tự mình gây nên chẳng những không dứt được số kiếp mà còn đura con người trở lại thêm chặt chẽ với xiềng xích luân hồi. Cho nên khi Kiều rút dao tự vẫn để tránh cuộc đời ô nhục ở lầu xanh, Đạm Tiên hiện ra để cho nàng hay rằng trần duyên chưa hết, nhân quả dờ dang. Biết không thể trốn được nợ đoạn trường, tin ở nhân duyên có sẵn từ trước, Kiều đành phải sống cho hết kiếp này, kéo « thân sau ai chịu tội trời ấy cho » :

*Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chông kiếp sau.*

Muốn được thoát khỏi cái vòng nhân quả, chỉ có một cách là gỡ lẩn từng mối, phá đứt từng kiếp, cho đến khi những nhân duyên luân hồi tiệt gốc, con người mới có thể hoàn toàn siêu thoát được. Tất cả truyện Kiều là một sự khát khao tiếp tục đi đến chỗ siêu thoát, qua những khổ não, trầm luân của một kiếp người. Siêu thoát, đó là mục đích của đạo Phật, cũng như đại dương chỉ có một vị, vị muối, đạo lý và kỷ luật nhà Phật chỉ có một con đường, con đường siêu thoát.

Cuộc đời « nguyệt hoa, hoa nguyệt nào nung » của nàng Kiều là hình ảnh vật dục, mè muối, chìm đắm của chúng sinh trong bể khổ, của một « kiếp xưa đã vụng đường tu » mà « túc trái tiền oan » khẳng khẳng theo đuổi đến tận cùng, — tượng trưng kiếp sống con người mà chường căn (tam độc, lục căn và lục trần) là những khách làng chơi đến chìm xuống vực thẳm của sắc dục. Tả số phận chìm nổi của nàng Kiều, Nguyễn Du muốn nói đến « chiếc lá lia rừng », « chiếc lá bơ vơ » mà sự đau khổ qua các kiếp luân hồi đã làm tuông nước mắt ra nhiều hơn nước mặn trong bốn đại dương.

Sự đau khổ của « kiếp trần biết rữ bao giờ cho xong » chỉ có thể giải quyết bằng cách đứt bỏ tất cả những dây ràng buộc con người với đời. Thi sĩ, mà tâm hồn thấm nhuần đạo Phật, mới đưa đầy nàng Kiều đi tu :

Cho hay giọt nước cành dương,

Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.

Nhưng nghiệp chương đang còn, nàng Kiều lại phải trở về lầu xanh, cho đến thật hết kiếp đoạn trường. Và cuộc đời sắc dục, truy lạc của nàng kết liễu ở sông Tiền đường là nhờ đến nước, tượng trưng của sự thuần túy, rửa sạch những bợn nhơ. Cái chết ở đây là sự sống, theo phật giáo, sau khi đã trả nợ xong kiếp này, được hóa sinh ra một kiếp khác.

Theo lẽ phải thì *Kim Vân Kiều* đến đây là hết. Và không khí bài thơ đã mở đầu trong một khung cảnh chết chãm dứt cũng bởi cái chết. Cái chết là một ám ảnh ở thi sĩ, chẳng những trong thơ mà còn ở cuộc đời. Như lúc đau nặng, Nguyễn Du không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay xem, nghe thưa đã lạnh hết rồi, thi sĩ nói : « Tốt ! Tốt ! » rồi tắt hơi. Nguyễn Du tin tưởng rằng chết tức là dứt được một kiếp luân hồi để đến gần cái chết đời đời (Niết bàn) hay thi sĩ muốn sớm thấy cái chân lý đã khiến người phải trọn đời băn khoăn ?

Tác giả làm sống lại nàng Kiều để cho tái hợp với Kim Trọng, đưa nàng từ trong lòng sự chết ra, cũng là do theo sự tin tưởng ở thuyết nhân quả. Nhưng tội lỗi của kiếp xưa đã trả hết, nàng có thể bước qua một cuộc đời khác, tức là nghiệp nợ chuyển sang nghiệp kia.

Kết luận thi sĩ nói đến chữ tâm của nhà phật. Tất cả mọi người, tất cả số phận đều do ở lòng mà ra. Lòng mỗi người đều có một vị phật, phật tức là lòng và lòng ấy là phật.

Nghệ thuật của Nguyễn Du đã diễn tả đầy đủ trong tác phẩm phiến toái về hình nhi thượng tôn giáo và sự đa mê tình ái của con người. Cuộc đời trôi nổi, dầy dọ kéo dài của nàng Kiều qua những sự biến đổi luôn luôn lôi cuốn theo tất cả sức mạnh thi tứ và triết lý của Nguyễn Du.

Tinh thần truyện Kiều kết đọng lại trong một cảm tưởng khát khao siêu thoát. Con người từ vực thẳm phiền não của xác thịt đi lên ngọn lòng bình tĩnh ; từ sự sống vô định như làn sóng, người bước vào thế giới nhịp nhàng tuyệt đối ; từ sự khổ đau muôn thuở người đi vào sự vắng lặng đời đời. Bởi đây ta thấy Nguyễn Du hiện ra với tất cả sức mạnh của con người, và là nhà thơ độc nhất của Việt Nam đã diễn tả trong một tác phẩm cổ điển vĩ đại cái chân lý toàn thể của loài người.

Đây là ý nghĩa triết lý sâu xa mà Nguyễn Du không muốn dễ thấy rõ trong thơ người, nhưng đã phô bày trước sự sáng suốt của chúng ta. Đây là Nguyễn Du, thi sĩ và triết gia, Nguyễn Du của chúng ta ngày nay và của muôn thuở.



Nói đến Nguyễn Du phần nhiều người ta chỉ nghĩ đến *Kim Vân Kiều*. Tôi không chối cãi rằng chính tập thơ này đã làm cho tên tuổi thi sĩ trở nên bất tử, nhưng tôi không theo đám đông mà cho rằng Nguyễn Du chỉ có tác phẩm ấy là kiệt tác. Tôi muốn nói đến *Chiêu Hồn*.

Trong hai tác phẩm của Nguyễn Du, *Chiêu Hồn* cũng như nàng Đạm Tiên trong truyện Kiều, nhân vật phụ mà lại là hay nhất.

Với *Kim Vân Kiều* Nguyễn Du muốn diễn tả kiếp sống con người theo luật nhân quả của tiểu thừa Phật giáo, với *Chiêu Hồn* thi sĩ nói đến đời những cô hồn, cũng theo tôn giáo này. Nàng Kiều là hình ảnh của một giọt nước rơi vào biển huyền

bí và không tìm ra mình được nữa. Sự nổi trôi của kiếp nhân sinh trong truyện Kiều biến chuyển thành sự lạc loài của những âm vong trong *Chiêu Hồn*. Lòng thương của thi sĩ đối với người sống càng thiết tha khi đứng trước những người đã chết, những cô hồn lặn lội tìm đường hóa sinh.

Tâm hồn Nguyễn Du là một tâm hồn nhuần thấm hình nhi thượng của nền triết học bi quan, luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết và những xương khô, vì không khí của nhà Phật vẫn phảng phất bóng người chết. Theo tôn giáo này, con người chỉ có một mục đích cao siêu, vô hình nhưng hằng ở trước mắt : cái chết. Đây là con đường độc nhất để cho loài người tiêu diệt được sự khổ, gỡ lẩn vòng nhân quả luân hồi, để trở về với cõi không, hết sống chết. Nhưng cái chết dữ làm đọa lạc con người thành ra cô hồn thất thểu, xương trắng dọc ngang.

Những « xương trắng què người », những « nắm xương lênh dênh », những « đống xương vô định » đã gợi ra trong *Kim Vân Kiều* bảy ngọn ngang trong *Chiêu Hồn*, khiến ta có cảm tưởng như những xương trắng và những đầu lâu đã làm nền tảng cho bài thơ này.

Phật có câu : Trông thấy những xương trắng ngang ngửa trên mặt đất như dưa mùa thu, làm sao ta có thể vui được ? Những xương trắng ấy, những thành quách của con người kích động lòng thương, kêu gọi nhà thi sĩ nghĩ đến những « hồn đơn phách chiếc lênh dênh què người ».

Thơ *Chiêu Hồn*, cũng như đạo Phật, là một tiếng kêu đau khổ, bác ái và từ bi đối với thập loại chúng sinh, một bài kinh cầu nguyện để mở cửa địa ngục cứu vớt những linh hồn dầy

đọa — *Chiêu Hồn* đã khơi nguồn cảm hứng ở các kinh Vu lan bồn, Thích giả của Phật giáo.

Theo kinh Vu lan bồn (Avalambana) nguồn gốc ở Ấn Độ, thì Phật Thích Ca Mâu Ni (Çakyamouni) có một đệ tử là Mục Kiền Liên (Maudgalyayana), lúc mới thành Phật, muốn tiếp độ mẹ vì biết rõ mẹ khi sống làm tội ác chết xuống chắc phải đọa lạc. Mục Kiền Liên nhìn xuống địa ngục thấy mẹ bị giam cầm trong ngục quỷ đói mới đem cơm xuống dâng cho mẹ. Nhưng thức ăn chưa vào miệng đã hóa ra lửa, hồn không thể nuốt được. Mục Kiền Liên trở về cầu cứu với thầy, Phật dạy đến ngày trung nguyên, tức là ngày lành của thầy tu, muốn cúng cho cha mẹ khỏi nạn ách thì sắm một trăm vị đèn vào mâm (bồn) Vu lan của Phật dâng cho các thầy tu thập phương để họ tụng kinh mà cầu nguyện cho vong hồn được hưởng. Mục Kiền Liên vâng lời, đến ngày rằm tháng bảy, cầu thỉnh thầy tu các nơi tụ hội lại cầu siêu cho mẹ, thì trong hôm ấy hồn bà được thoát khỏi những khổ đọa ở ngục ngạ quỷ.

Người Tàu theo đây, hàng năm nhằm ngày trung nguyên, tức là ngày chư Phật vui mừng mở lòng bác ái ân xá, ngày đại lễ của thầy tu mười phương, bày ra hội Vu lan, cúng dường chư Phật và thầy tu được họ cầu nguyện cho chúng sinh thoát khỏi nỗi khổ đảo huyền. Người Việt Nam cũng mỗi năm có lễ cúng âm hồn, lập đàn giải thoát cho thập loại chúng sinh.

Nguyễn Du đã rung động trước cảnh kêu gọi những hồn xiêu phách lạc mà sáng tác ra *Chiêu Hồn*.

Ba bài kinh Thích giả trích dịch tóm tắt ra đây để ta càng chắc chắn về nguyên gốc của *Chiêu Hồn* :

« Trong cuộc đời ở thế gian hồn mê muội với những tục
« trần, đắm chìm trong tội lỗi. Khi sống không bao giờ hồn
« nghĩ đến chết và bây giờ hồn phải chịu đọa đày. Hồn phải bơ
« vơ trong khoảng thình không, trong vùng bóng tối, ở khắp
« bốn phương, đầu ngọn núi, trên mặt sông, giữa không, dưới
« đất, trong nước, lửa, gió, khí. Xác của hồn, hồn không tìm lại
« được và dấu vết của hồn, hồn không biết nơi đâu. Trong cõi u
« u minh minh, hồn của hồn sợ sệt lang thang trong sương mù,
« phách của hồn bơ vơ không nơi nương tựa, ần núp trong nội
« cỏ đồng không. Chẳng biết về đâu, tam hồn và thất phách của
« hồn ngập ngừng sợ hãi và lạc loài khắp nơi. Buổi sáng hồn ở
« trong mưa, buổi chiều hồn lẫn trong mây, vu vơ trên đường
« sá, khi đầu ngọn đồi, lúc trên mặt biển, hồn không nghe được
« lời kêu gọi nơi đây. Nhưng nhờ phép tắc của sứ giả, linh quan
« và các thần diu dắt hồn về đây nghe kinh. Trong giấc mộng
« phù sinh của sông tinh muôn trượng, biển khổ ngàn trùng,
« hồn khôn thiêng muốn thoát khỏi luân hồi, hãy mau mau
« cầu nguyện cùng đức Phật ! »

Với một tri tưởng tượng mãnh liệt, một nghệ thuật linh động Nguyễn Du đã tạo thành một khúc nhạc tấu ghê gớm của những cô hồn, một điệu khiêu vũ rùng rợn của những bộ xương, một bức tranh bi thảm, một bài thơ sâu sắc lạ lùng.

Trong cảnh đêm dài vô tận của trời đất tối tăm, thi sĩ bắt ta nghĩ đến những hồn mồ côi lưu lạc, mười loài chúng sinh không nơi nương tựa, và lòng-thương của người thơ kêu gọi đến lòng bác ái của đức Phật từ bi. Đán giải thoát lập ra để nhờ Phật giải oan cứu khổ cho những cô hồn : bậc vương giả, người giàu sang, quan văn, tướng võ, văn nhân, bọn trọc phú,

kẻ thuyền chài, lái buôn, quân lính, gái giang hồ, đám ăn mày, tù tội, trẻ con, những người chết bất đắc kỳ tử, đủ các tầng lớp cò hồn lạc loài nheo nhóc, nghe gà gáy tim đương tránh ần, lặn mặt trời lần thần bỏ ra, lời thoi bông trẻ đất già, diễn qua trước mắt thi sĩ thấu suốt được cõi vô hình. Nhắc đến một hạng người đã chết, thi sĩ gợi ra một cảnh khác nhau: những quỉ không đầu đón khóc đêm mưa, những cô hồn ngần ngợ, thất thểu không tìm ra đường hóa sinh, những tiếng oan vắng vắng trong lúc tối trời lập lòe ánh lửa ma trời, những bộ xương giành giựt cháo lá đa, bãi tha ma xác dọc thây ngang, và nhất là những xương không ai nhặt, những xương khô rụng rời, những nắm xương vô chủ, những xương chôn rấp gốc thành, những xương càng năm càng héo mỗi đêm một dải. Những điệp khúc rùng rợn, lâm ly ấy cứ từng lúc trở lại quay cuồng như những lớp sóng thần bí của luân hồi quả báo.

Điệu thơ âm u, sôi nổi như lời kêu gào tự đáy lòng sâu thẳm bóng tối đưa lên. Thi sĩ nghe cả tiếng thịt nức nở dưới mồ, tiếng rì rên của đống xương khô và tiếng mưa gào gió thét trong cảnh âm huyền mờ mịt là những tiếng nghiêng rãng oán hận, khóc lóc đời đời của những linh hồn đọa lạc tự địa ngục vọng về.

Sau khi kêu gọi những cô hồn « dãi dầu trong mấy muòn năm » hồn xiêu phách lạc đâu đâu đến nghe kinh, thi sĩ cầu xin lòng thương và phép tắc thiêng liêng của Phật siêu sinh tịnh độ cho mười loài đang chìm đắm trong giấc mê.

Kết luận *Kim Vân Kiều* Nguyễn Du nói đến chữ tâm của nhà phật, trong đoạn cuối *Chiêu Hồn* thi sĩ nhắc :

Ai ai lấy Phật làm lòng,

Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.

Theo tôn giáo này, lòng mỗi người đều có một vị phật; qua những kiếp luân hồi lòng không biến đổi, vẫn nguyên vẹn trong những đời liên tiếp, sống rồi chết, chết rồi sống; không có gì là thật ở ngoài lòng mình, và muốn được siêu thoát thì phải tự suy ngẫm, tĩnh tọa trước vị phật của lòng.

Lòng tin ngưỡng của thi sĩ kêu lên những lời dấm đuối màu sắc đạo hạnh; bài thơ dâng cao lên như một bài kinh, tinh túy thơ biến thành khói hương cầu nguyện, khiến *Chiêu Hồn* như có sức mạnh huyền bí diu dắt những cô hồn về tây phương.

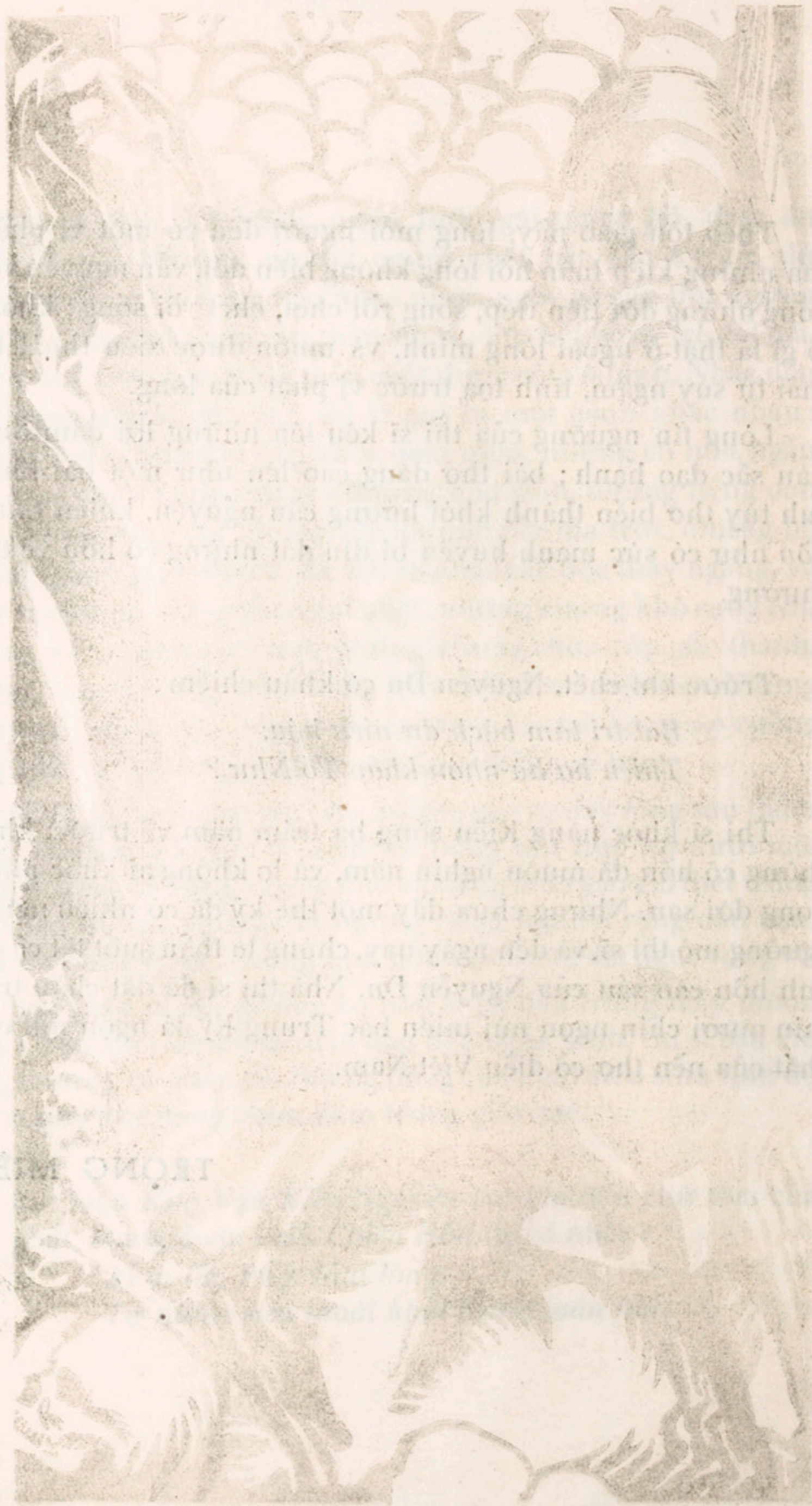
Trước khi chết, Nguyễn Du có khẩu chiêm:

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?*

Thi sĩ khóc nàng Kiều sống ba trăm năm về trước, khóc những cô hồn đã muôn nghìn năm, và lo không ai khóc mình trong đời sau. Nhưng chưa đầy một thế kỷ đã có nhiều người ngưỡng mộ thi sĩ, và đến ngày nay, chúng ta thấu suốt tất cả cái linh hồn cao sâu của Nguyễn Du. Nhà thi sĩ đã đặt chân trên chín mươi chín ngọn núi miền bắc Trung Kỳ là ngọn núi cao nhất của nền thơ cổ điển Việt Nam.



TRỌNG MIÊN



TRONG MÊN





CHIÊU HỒN

Tiết tháng hồng xuân

Toát hơi mây khói

Nào người thay áo

Ngân lau như an lạc

Đường bạch dương bông

Đip đường lê lạc

Lông nào lông chàng

Cổ dương còn thê

CHIỀU HÓN

I

*Tiết tháng bày mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô ;
Nào người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.
Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Dịp đường lê lác đặc sương sa ;
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cối dương còn thè nữa là cối âm.*

II

*Trong trường dạ tôi tầm trời đất,
Có khôn thiêng phảng phất u minh ;
Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người.
Hương lửa đã không nơi nương tựa,
Hồn mô côi lữ lữ mây niên ;
Kẻ chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu.*

III

*Tiết dầu thu lập đàn giải thoát,
Nước tinh đàn sỏi hạt dương chi ;
Muôn nhờ đức phật từ bi,
Giải oan cứu khổ cùng về tây phương.
Cũng có kẻ tính đường yêu hạnh,
Trí những lăm cắt gánh non sông ;
Nói chi những buổi tranh hùng,
Trường khi thà thè vận cùng mà đau.*

IV

*Bỗng phút đâu mưa sa ngói lờ,
Khôn đem mình làm đĩa sặt phu ;
Giàu sang càng nặng oán thù,
Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời.
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,
Quý không đâu đón khóc đêm mưa ;
Cho hay thành bại là cơ,
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan.*

V

*Cũng có kẻ màn loan trướng huệ,
Nhưng cây mình cung què phòng hoa ;
Một phen thay đổi sơn hà,
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu ?
Trên lầu cao dưới dòng nước chảy,
Phận đã đành trâm gãy bình rơi ;
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.*

VI

*Đau đớn nhẽ không hương không khói,
Luồng ngàn ngọn trong cõi rừng sim ;
Thương thay chân yều tay mềm,
Càng năm càng héo mỗi đêm một dài.
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút son thác sòng ở tay ;
Kinh luân găm một túi đầy,
Đã đem Quàn, Nhạc, lại ngày Y, Chu.*

VII

*Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mô nằm chung quanh ;
Nghìn vàng khôn đòi được mình,
Lâu cao viện hát tan tành còn đâu.
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bắt nước nén nhang ;
Cô hồn thất thểu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.*

VIII

*Kìa những kẻ bày binh bố trận,
Đòi mình vào lấy án nguyên hung ;
Gió mưa sấm sét dưng dưng,
Rãi thây trăm họ làm công một người.
Khi thạt thè tên rơi đạn lạc,
Bãi sa trường thịt nát máu trôi ;
Mệnh mông góc biển bên trời,
Năm xương vô chủ biết rơi chôn nào ?*

IX

*Trời xầm xầm mưa gào gió thét,
Khí âm huyền mờ mịt trước sau ;
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu điều tẻ nào đâu chưng thường ?
Cũng có kẻ tính đường chí phú,
Làm tội mình nhịn ngủ kém ăn ;
Về già không kẻ chí thân,
Đầu làm nên để dành phần cho ai ?*

X

*Khi nằm xuống không người nhắn nhủ,
Của phù vân dầu có như không ;
Sông thời tiền chảy bạc ròng,
Thác không đem được một đồng nào đi.
Khóc ma mướn thương gì hàng xóm,
Hòm gỗ ra bó dóm đưa đem ;
Ngàn ngơ trong quăng đồng chiêm,
Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu ?*

XI

*Cũng có kẻ rắp câu chữ quý,
Dàn mình vào thành thị lân la ;
Mày thu lìa cửa lìa nhà,
Văn chương đã chắc đâu mà chí thân.
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nấng kiêng khem ;
Vội vàng liệm sập chôn nghiêng,
Anh em thiên hạ, lảng giềng người đứng.*

XII

*Bóng phân từ xa chùng hương khúc,
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang ;
Cô hồn nhờ gởi tha hương,
Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lòng.
Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm mây chạy xè gió đông.
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Đem thân chôn rập vào lòng kênh nghé.*

XIII

*Cũng có kẻ đi về buôn bán
Đòn gánh tre chín dạn hai vai,
Gặp cơn mưa nắng giữa trời,
Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao ?
Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,
Bỏ việc nhà gông gánh việc quan
Nước khe cơm vắt gian nan,
Dãi dầu nghìn dặm, lâm than một đời.*

XIV

*Buổi chiến trận mạng người như rác,
Phận đã đành đạn lạc tên rơi ;
Lập lòe ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan văng vẳng tòi trời càng thương.
Cũng có kẻ nhớ nhàng một kiếp,
Liều tuổi xanh buồn nguyệt bán hoa ;
Ngàn ngơ khi trở về già,
Chông con đâu tá biệt là cây ai ?*

XV

*Sông đã chịu một đời phiền não,
Thác lại nhờ hợp cháo lá đa ;
Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu ?
Cũng có kẻ năm câu gỏi đất,
Rối tháng ngày hành khất ngược xuôi ;
Thương thay cũng một kiếp người,
Sông nhờ hàng xứ, chết vì đường quan.*

XVI

*Cũng có kẻ mắc đoàn tù rạc
Gửi mình vào chiếu rách một manh,
Năm xương chôn rập góc thành;
Kiếp nào cời được oan tình ấy đi.
Kìa những kẻ tiểu nhi tâm bé
Lỗi giờ sinh lia mẹ lia cha,
Lấy ai bông bẻ xót xa
U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng.*

XVII

*Kìa những kẻ chèo sông lạc suối,
Cũng có người sảy còi sa cây.
Có người đào giếng đứt dây,
Người trôi nước lũ, kẻ lấy lừa thành.
Người thì mắc sơn tinh thùy quái,
Người thì vương nanh hải ngà voi.
Có người hay đẽ không nuôi,
Có người sa sảy, có người khôn thương.*



XVIII

*Gặp phải lúc đi đường lỡ bước
Câu nại hà kẻ trước người sau,
Mỗi người một nghiệp khác nhau
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?
Hoặc là ăn ngang bờ dọc bụi,
Hoặc là nương ngọn suối chân mây;
Hoặc là điềm cò bóng cây,
Hoặc là quán nợ câu này bơ vơ.*

XIX

*Hoặc là nương thân từ phạt tự,
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông ;
Hoặc là trong quăng đông không,
Hoặc là gò đồng, hoặc vùng lau tre.
Sông đã chịu một bể thàm thiêt,
Ruột héo khô, da rét căm căm ;
Dãi dàu trong mây muôn năm
Thờ than dưới đất ăn nằm trên sương.*

XX

*Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt trời lặn thàn bò ra
Lôi thôi bông trè dất già,
Có khôn thiêng nhẽ lại mà nghe kinh.
Nhờ phép phật siêu sinh tịnh độ,
Phóng hào quang cứu khổ độ u,
Rắp hòa tứ hải quân chu,
Nào phiền trút sạch, oán thù rủa không !*

XXI

*Nhờ đức Phật thân thông quảng đại,
Chuyên pháp luân tam giới thập phương,
Nhơn nhơn Tiêu Diện Đại Vương,
Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sinh.
Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh,
Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.
Mười loài là những loài nào,
Gái trai già trẻ đều vào nghe kinh.*

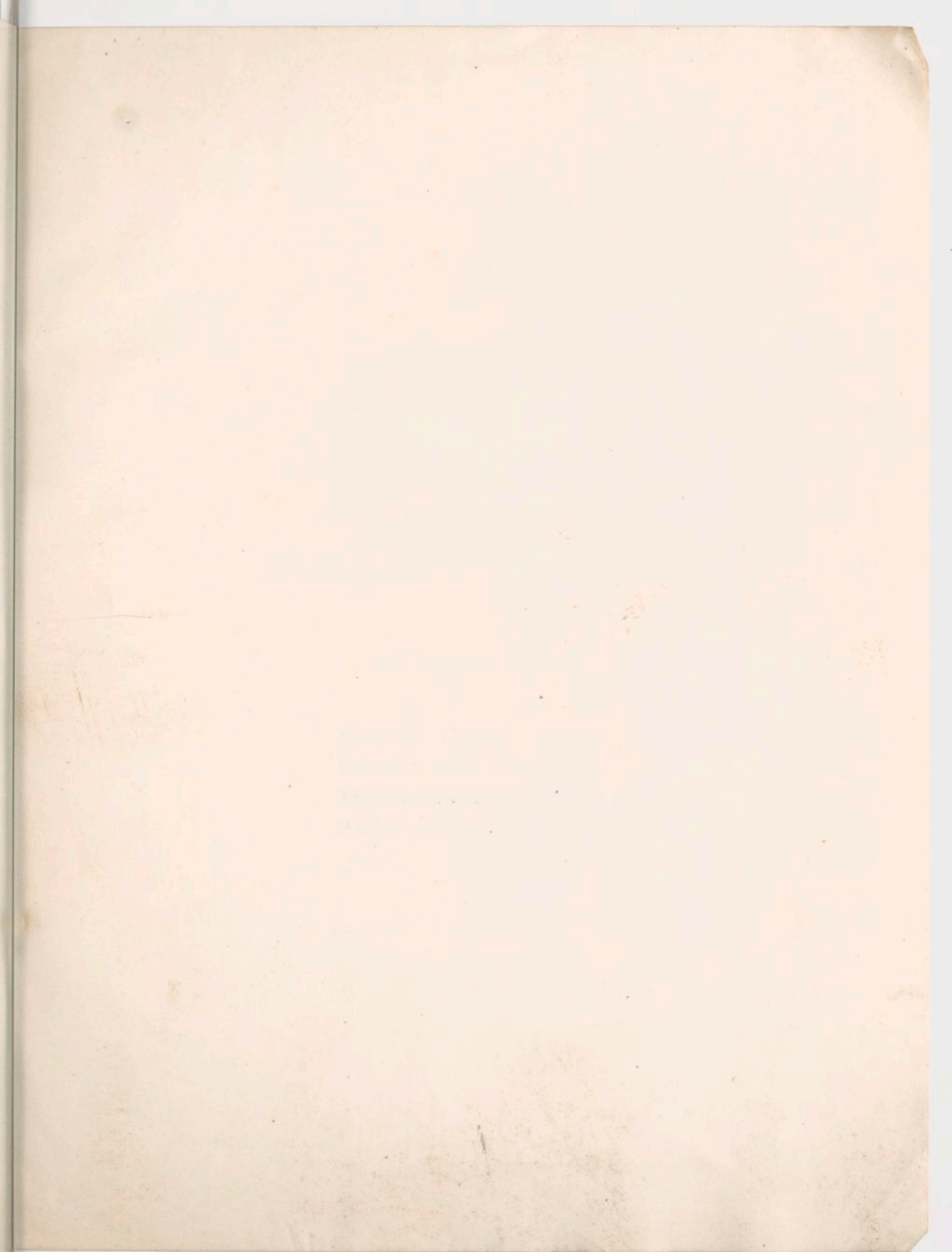
XXII

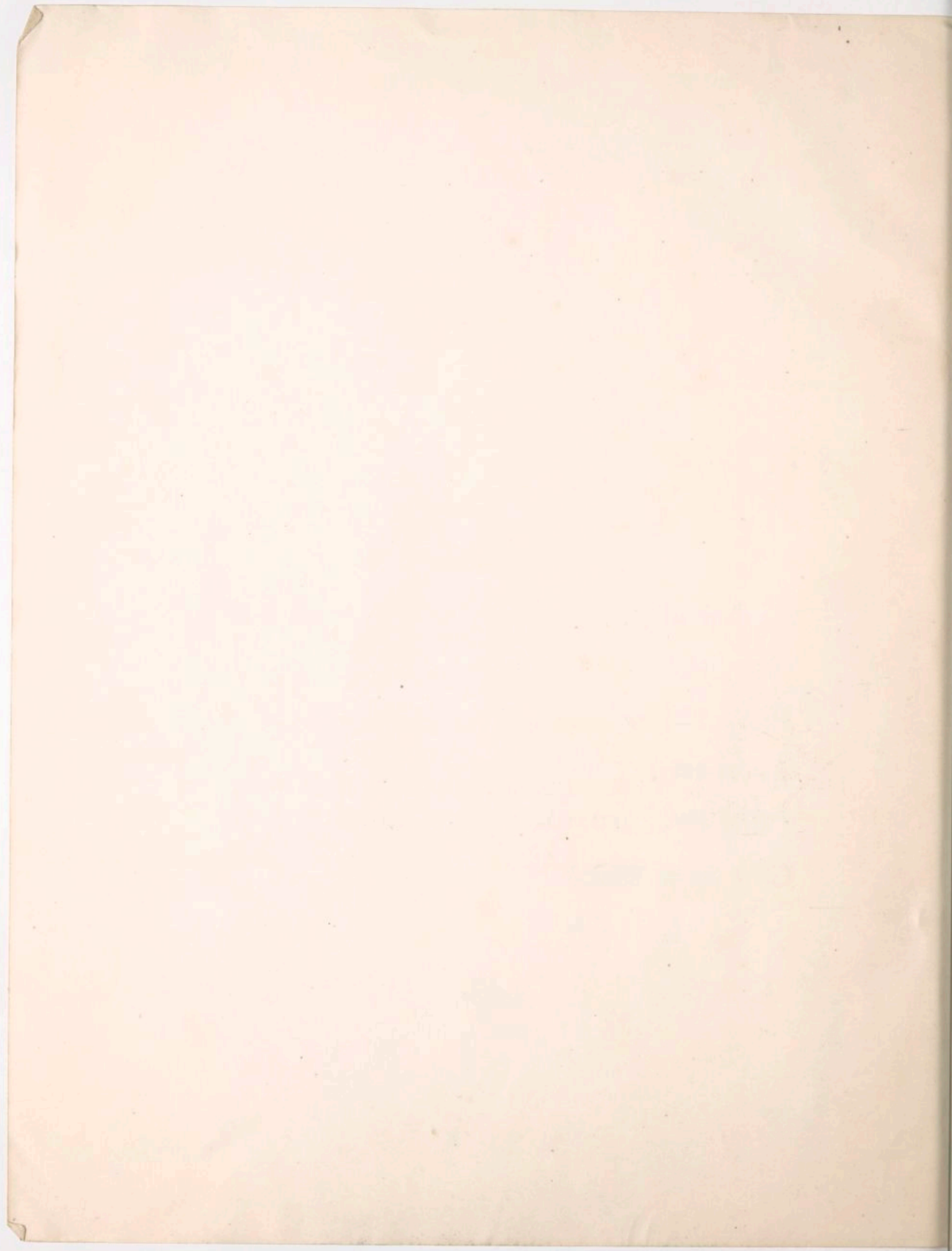
*Kiếp phù sinh như hình như ảnh,
Có chữ rằng : « vạn cảnh giai không » ;
Ai ai lấy Phật làm lòng,
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.
Đàn chàn tẻ vàng lời phật giáo,
Của có chi bát gạo nén nhang,
Gọi là manh áo thoi vàng,
Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên.*

XXIII

*Ai đèn đày dưới trên ngòi lại,
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu ;
Phép thiêng biền ít thành nhiều,
Trên nhờ Tôn già chia đều chúng ty.
Phật hữu tình từ bi phò độ,
Chớ ngại rằng có có không không.*

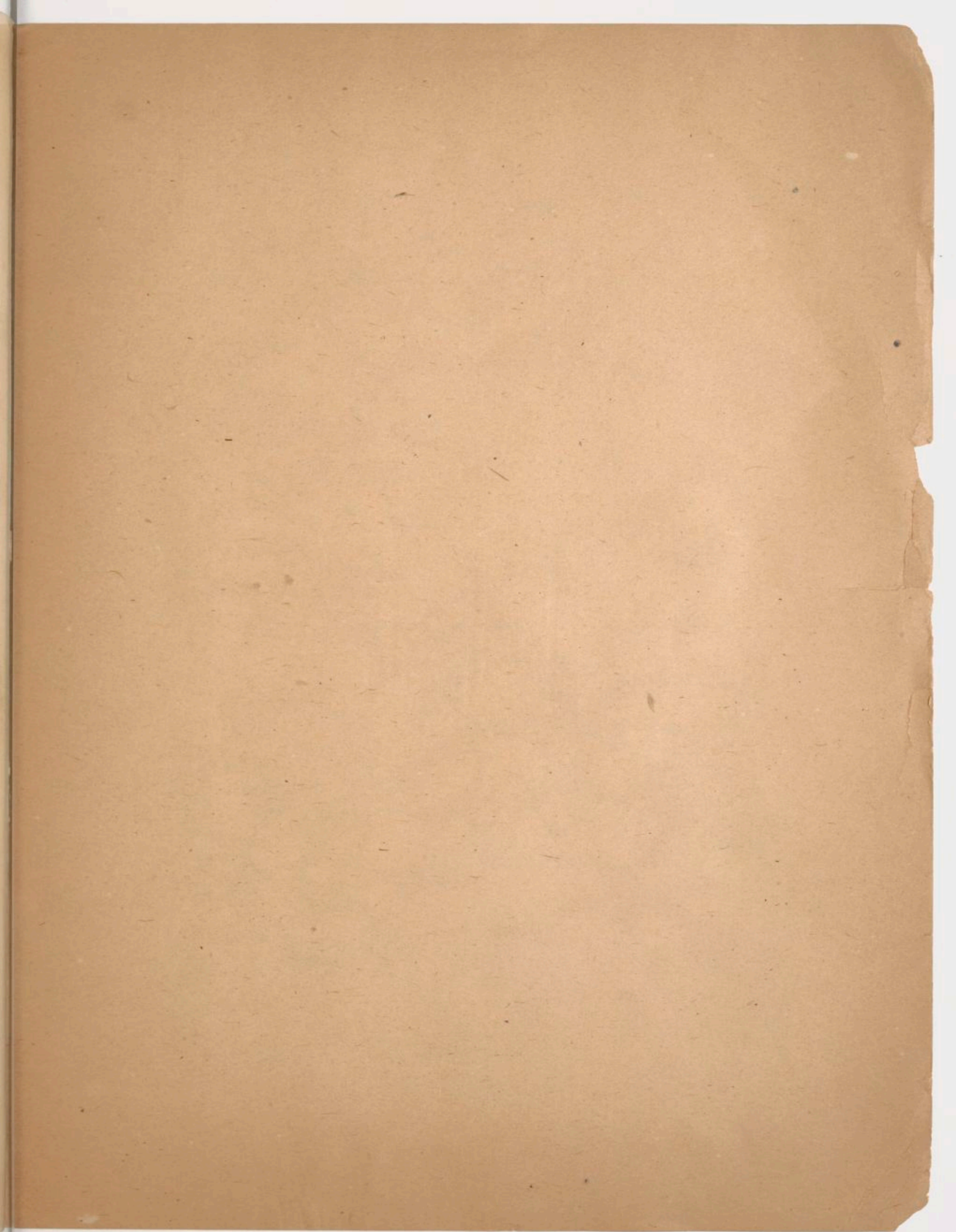






CHIỀU HỒN IN XONG
NGÀY XXV THÁNG XI TÂY
TẠI NHÀ IN ASPAR
XXIV CATINAT SAIGON

NOV 18 1894
LIBRARY OF THE
MUSEUM OF COMPARATIVE ZOOLOGY
AND ANATOMY
HARVARD UNIVERSITY





AS
25 NOV 1942
SAIGON
24 RUE CADET 24

Handwritten signature